

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

NỘI DUNG	TRANG
1. Thông tin về doanh nghiệp	2
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	11
7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	12 - 34

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3
THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 4 số 0301453934 ngày 17 tháng 12 năm 2015.

Giấy chứng nhận đầu tiên số 0301453934 ngày 01 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng thành viên

Bà Vũ Thị Tường Vy

Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Thảo

Kiểm soát viên

Ban Giám đốc

Bà Vũ Thị Tường Vy
Ông Dương Văn Hai
Ông Nguyễn Trường Phi
Ông Nguyễn Khoa Nguyên

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Bà Vũ Thị Tường Vy

Giám đốc

Trụ sở chính

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ

48.251.000.000 VND

Mã số thuế

0301453934

Hoạt động chính của Công ty

Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu các công trình giao thông, công trình đô thị theo phân cấp (cầu đường, hệ thống thoát nước, công viên cây xanh, chiếu sáng vỉa hè, vệ sinh đô thị). Hoạt động kinh doanh khác: Xây dựng công trình giao thông, công trình đô thị, san lấp nền. Sửa chữa trùng tu các loại xe chuyên dùng của Công ty và khách hàng. Kinh doanh vật tư vận tải. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Trang trí nội thất. Quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu nhà nước giao nhận quản lý (kể cả bán nhà theo chế độ quy định). Tham gia công tác giải tỏa, đền bù, và xây dựng bố trí tái định cư (theo hạng mục chỉ tiêu, kế hoạch nhà nước giao). Lập dự án đầu tư và tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Quản lý dự án, thực hiện dịch vụ thủ tục về giấy phép xây dựng sửa chữa, hoàn công công trình xây dựng. Mua bán và hợp thức hóa nhà ở. Đo vẽ và xác nhận tỷ lệ % còn lại của nhà xưởng các loại. Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước. Lập dự án đầu tư chuyên ngành cấp thoát nước. Mua bán máy vi tính, phần mềm máy tính và các thiết bị ngoại vi. Đào tạo dạy nghề và tư vấn tin học. Cho thuê mặt bằng kinh doanh. Kinh doanh nhà. Mua bán vật liệu xây dựng. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Định giá bất động sản; sàn giao dịch bất động sản. Thi công trồng, chăm sóc cây xanh. Xây dựng công viên. Duy tu bảo quản công viên. Kinh doanh hoa kiểng, cá kiểng. Dịch vụ giữ xe. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; đại lý mua bán xăng, dầu, bán lẻ nhiên liệu động cơ.

Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Rồng Việt ("VDAC") được chỉ định là kiểm toán viên cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 34).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hằng năm thể hiện một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại mọi thời điểm và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và sai quy định khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm của năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được soạn thảo trung thực và hợp lý, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2019



VŨ THỊ TƯỜNG VY
GIÁM ĐỐC

Số: 008.2019/VDAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CHỦ SỞ HỮU VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3 (“Công ty”), được lập ngày 15 tháng 01 năm 2019, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Cho đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư đối chiếu xác nhận các khoản nợ phải thu, phải trả, phải thu khác, phải trả khác, tạm ứng. Với tài liệu hiện có chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế để xác nhận các khoản công nợ này. Công ty sẽ tiếp tục thực hiện việc xác nhận các khoản công nợ nêu trên;

Đối với quyết toán quỹ tiền lương, cho đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chúng tôi chưa nhận được phê duyệt của Cơ quan ban ngành. Chúng tôi ghi nhận chỉ tiêu này căn cứ vào báo cáo quyết toán quỹ tiền lương của Công ty lập ngày 31 tháng 12 năm 2018;

Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu khác 2.645.307.555 đồng là chi phí giải tỏa của các dự án phát sinh từ nhiều năm trước có khả năng không thu hồi được và chưa trích lập dự phòng cho khoản phải thu này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Rồng Việt



Vũ Tiên Sỹ – Giám đốc

Số GCNĐKHN Kiểm toán: 2863-2014-201-01

Lê Hoàng Tuyên – Kiểm toán viên

Số GCNĐKHN Kiểm toán: 0622-2014-201-01

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110+120+130+140+150)	100		121.192.756.036	101.491.376.962
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		35.554.453.636	47.329.733.404
1. Tiền	111	V.01	6.554.453.636	27.329.733.404
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.02	29.000.000.000	20.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.039.733.092	46.465.810.389
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	61.633.901.299	32.107.472.883
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	5.264.423.444	3.567.718.281
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	13.141.408.349	10.790.619.225
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	5.557.133.827	6.743.873.482
1. Hàng tồn kho	141		5.557.133.827	6.743.873.482
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		41.435.481	951.959.687
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.07	41.435.481	951.959.687
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. Tài sản dài hạn (200 = 210+220+240+250+260)	200		23.198.593.582	23.691.967.828
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		(761.758.272)	(1.756.249.879)
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.08	2.645.307.555	2.665.807.555
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.09	(3.407.065.827)	(4.422.057.434)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
II. Tài sản cố định	220		8.225.742.921	9.123.385.907
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	7.840.742.921	9.112.319.624
- Nguyên giá	222		25.038.664.321	25.038.664.321
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.197.921.400)	(15.926.344.697)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	385.000.000	11.066.283
- Nguyên giá	228		645.300.000	260.300.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(260.300.000)	(249.233.717)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	15.734.608.933	15.738.190.750
- Nguyên giá	231		25.165.646.782	25.179.973.879
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.431.037.849)	(9.441.783.129)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	586.641.050
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	-	750.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.13	-	(163.358.950)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Tổng cộng tài sản (270 = 100+200)	270		144.391.349.618	125.183.344.790

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. Nợ phải trả (300 = 310+330)	300		74.694.270.028	57.120.696.445
I. Nợ ngắn hạn	310		56.290.249.553	41.745.838.024
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	26.013.716.498	16.273.057.800
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	1.141.631.390	2.630.527.668
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	4.979.771.705	6.517.871.285
4. Phải trả người lao động	314	V.17	13.480.059.553	6.244.174.230
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		142.656.364	17.397.786
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	10.532.414.043	10.062.809.255
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		18.404.020.475	15.374.858.421
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19	1.152.286.411	712.547.773
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20	15.984.047.845	13.285.016.466
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	340		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn	341		-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	342	V.21	1.267.686.219	1.377.294.182
D. Vốn chủ sở hữu (400 = 410+430)	400		69.697.079.590	68.062.648.345
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	52.125.801.280	50.474.442.763
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		48.250.637.015	48.250.637.015
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.653.207.937	2.223.805.748

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 02 - DN

(Đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	117.609.732.633	113.067.936.112
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.01	-	6.224.742.884
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.01	117.609.732.633	106.843.193.228
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	103.102.298.234	91.410.704.322
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		14.507.434.398	15.432.488.906
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.003.871.641	2.272.242.629
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	41.323.018	(155.220.200)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	1.169.294.602	587.320.222
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	7.719.474.922	13.193.703.061
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		7.581.213.497	4.078.928.452
11. Thu nhập khác	31	VI.07	-	32.961.955
12. Chi phí khác	32	VI.08	7.884.542	342.744.734
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(7.884.542)	(309.782.779)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.573.328.955	3.769.145.673
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1.542.162.296	820.453.235
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		6.031.166.659	2.948.692.438
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2019

VŨ THỊ TƯỜNG VY
GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ MINH PHƯỢNG
KẾ TOÁN TRƯỞNG

BÙI VĂN ĐÀU
NGƯỜI LẬP BIỂU

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 03 - DN

(Đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		88.879.141.243	120.366.232.064
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(55.057.426.376)	(75.931.474.147)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(24.772.753.970)	(25.040.780.174)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(972.472.709)	(1.314.965.871)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		42.022.112.817	29.528.509.064
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(63.877.752.414)	(55.307.252.260)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(13.779.151.409)	(7.699.731.324)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	10.000.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.003.871.641	2.272.242.629
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.003.871.641	12.272.242.629
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(11.775.279.768)	4.572.511.305
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.01	47.329.733.404	42.757.222.099
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	35.554.453.636	47.329.733.404



VŨ THỊ TƯỜNG VY
GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG
KẾ TOÁN TRƯỞNG

BÙI VĂN ĐÀU
NGƯỜI LẬP BIỂU

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, 100% vốn nhà nước.

2. **Lĩnh vực hoạt động kinh doanh:** Hoạt động công ích, xây dựng, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu các công trình giao thông, công trình đô thị theo phân cấp (cầu đường, hệ thống thoát nước, công viên cây xanh, chiếu sáng vỉa hè, vệ sinh đô thị). Hoạt động kinh doanh khác: Xây dựng công trình giao thông, công trình đô thị, san lấp nền. Sửa chữa trùng tu các loại xe chuyên dùng của Công ty và khách hàng. Kinh doanh vật tư vận tải. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Trang trí nội thất. Quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu nhà nước giao nhận quản lý (kể cả bán nhà theo chế độ quy định). Tham gia công tác giải tỏa, đền bù, và xây dựng bố trí tái định cư (theo hạng mục chi tiêu, kế hoạch nhà nước giao). Lập dự án đầu tư và tư vấn đầu thầu và hợp đồng kinh tế. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Quản lý dự án, thực hiện dịch vụ thủ tục về giấy phép xây dựng sửa chữa, hoàn công công trình xây dựng. Mua bán và hợp thức hóa nhà ở. Đo vẽ và xác nhận tỷ lệ % còn lại của nhà xưởng các loại. Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước. Lập dự án đầu tư chuyên ngành cấp thoát nước. Mua bán máy vi tính, phần mềm máy tính và các thiết bị ngoại vi. Đào tạo dạy nghề và tư vấn tin học. Cho thuê mặt bằng kinh doanh. Kinh doanh nhà. Mua bán vật liệu xây dựng. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Định giá bất động sản; sàn giao dịch bất động sản. Thi công trồng, chăm sóc cây xanh. Xây dựng công viên. Duy tu bảo quản công viên. Kinh doanh hoa kiểng, cá kiểng. Dịch vụ giữ xe. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; đại lý mua bán xăng, dầu, bán lẻ nhiên liệu động cơ.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Không quá 12 tháng.

5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** Không có.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Trưởng bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

- Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.
- Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG: Doanh nghiệp áp dụng giá định hoạt động liên tục.

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

- Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

• Ghi nhận ban đầu

➤ Tài sản tài chính

- Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.
- Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, và các khoản phải thu về cho vay.

➤ Nợ phải trả tài chính

- Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.
- *Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán*
- Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

• Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

- Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

• Phương pháp khấu hao

- Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Loại tài sản cố định	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc và thiết bị	5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

8. Bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư bao gồm nhà và căn hộ chung cư thuộc sở hữu Nhà nước giao cho Công ty quản lý, cho thuê (hoặc bán theo Nghị định 61/CP ngày 05/07/1994 và bán cho các cán bộ thuộc diện tái định cư theo qui định hiện hành).
- Nguyên giá bất động sản được xác định trên cơ sở đơn giá nhà và căn hộ chung cư do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.
- Đối với căn hộ tái định cư: Công ty chỉ theo dõi để bán, không trích khấu hao.
- Đối với nhà cho thuê để ở và sản xuất kinh doanh: Công ty không trích khấu hao mà căn cứ vào số tiền thu được trừ chi phí thực tế phát sinh còn lại nộp về ngân sách nhà nước theo công văn số 11811/STC-NS ngày 21/11/2013 của Sở Tài chính.

Phương pháp khấu hao

- Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc được tính khấu hao từ 05 - 50 năm.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

- Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.
- Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng nợ phải trả: là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- *Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu*
 - Nguồn vốn kinh doanh do các thành viên góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.
- *Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*
 - Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

• *Doanh thu bán hàng*

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:
 - Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
 - Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

• *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy, trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

• *Doanh thu hoạt động tài chính*

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai điều kiện sau:
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

• *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

- Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

- Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:
 - Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
 - Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Đối với hợp đồng xây dựng giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời bốn điều kiện:
 - Tổng doanh thu của hợp đồng được tính toán một cách đáng tin cậy;
 - Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng;
 - Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.
- Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:
 - Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng;
 - Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
 - Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
 - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.
- Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

14. Các bên liên quan

- Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

15. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

- Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.
- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.
- Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực kinh doanh không trình bày vì công ty chỉ kinh doanh một ngành nghề.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác: theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	500.011.341	324.562.912
• Tiền mặt - VND	500.011.341	324.562.912
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.054.442.295	27.005.170.492
• Tiền gửi ngân hàng - VND	6.054.442.295	27.005.170.492
Cộng	6.554.453.636	27.329.733.404

02. Các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	29.000.000.000	20.000.000.000
• Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Phạm Ngọc Thạch	29.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	29.000.000.000	20.000.000.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN**

(Đơn vị tính: VND)

03. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu xây dựng cơ bản	14.247.639.949	15.124.569.715
- Phải thu công tác thuê bao	38.382.911.306	7.916.858.507
- Phải thu CTY MTĐT	4.455.317.672	4.328.050.972
- Phải thu cho thuê mặt bằng	3.407.723.643	2.952.288.365
- Phải thu phí vệ sinh môi trường	541.027.973	409.880.936
- Phải thu phí vệ sinh môi trường	-	45.775.900
- Phải thu Trung tâm tư vấn	-	1.308.980.666
- Phải thu trạm xăng dầu	599.280.756	21.067.822
- Phải thu đối tượng khác	61.633.901.299	32.107.472.883
Cộng	61.633.901.299	32.107.472.883

04. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty CP Đầu tư xây dựng Thiên Đăng	-	855.348.032
- Công ty TNHH Việt Nam	203.944.863	247.475.558
- Công ty CP SX TM Sài Gòn	-	121.754.091
- Công ty TNHH TMDV Điện Mạnh Phương	194.253.510	-
- Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	-	-
- Công ty TNHH MTV TMDV An Gia Phú	131.123.656	-
- Công ty CP Tư vấn KD XD Nam Á	116.300.800	116.300.800
- Công ty TNHH Sài Gòn Ánh Ngọc	106.926.740	106.926.740
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Hoàng Giáp	501.409.958	174.449.632
- Công ty CP Gạch Thanh Bình	382.025.490	339.480.000
- Công ty TNHH TM DV Hiếu Hồng Hà	372.017.558	123.292.871
- Công ty CP SX TM VLXD Sài Gòn	434.545.292	145.909.100
- Công ty TNHH P.P.R	475.945.413	-
- Công ty TNHH TM VLXD Anh Quang	102.986.323	-
- Công ty TNHH TM DV XD VLXD Lạc Việt	217.120.000	-
- Cửa hàng hoa kiểng	509.966.306	341.825.600
- Công ty TNHH SX TM Duyên Tân	232.215.940	-
- Công ty CP VT TMXD CN Đức Long	210.218.182	-
- Các khách hàng khác	1.073.423.413	994.955.857
Cộng	5.264.423.444	3.567.718.281

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN**

(Đơn vị tính: VND)

05. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tạm ứng	11.030.875.013	8.594.521.986
• <i>Đội thi công số 1</i>	3.092.884.412	3.521.497.288
• <i>Đội thi công số 2</i>	320.304.217	-
• <i>Đội cây xanh số 1+2</i>	2.445.917.684	580.262.318
• <i>Đội dịch vụ đô thị</i>	4.731.238.092	3.552.085.131
• <i>Xưởng sửa chữa</i>	272.240.861	771.448.850
• <i>Đối tượng khác</i>	168.289.747	169.228.399
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	1.817.452.650	1.370.164.111
• <i>Bảo lãnh gói thầu CT xây dựng mới trường THCS Đặng Trần Côn</i>	898.247.700	-
• <i>Công trình nạo vét cống, hầm ga thoát nước duy tu dặm vá hèm, duy tu sơn đường, biển báo trên địa bàn quận 3 năm 2018</i>	285.000.000	-
• <i>Công trình chăm sóc bảo dưỡng công viên cây xanh trên địa bàn quận 4 năm 2018</i>	90.000.000	-
• <i>Nạo vét cống thoát nước trên địa bàn quận 4</i>	250.000.000	-
• <i>Bảo lãnh xây dựng mới trụ sở UBND Phường 11</i>	-	1.191.447.000
• <i>Bảo lãnh xây dựng mới trụ sở UBND Phường 1</i>	294.204.950	178.717.111
- Phải thu ngắn hạn khác	293.080.686	825.933.128
Cộng	<u>13.141.408.349</u>	<u>10.790.619.225</u>

06. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	28.007.554	46.163.692
- Công cụ, dụng cụ	24.312.350	14.252.350
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.819.524.798	5.748.690.294
- Hàng hoá	2.685.289.125	934.767.146
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	<u>5.557.133.827</u>	<u>6.743.873.482</u>

07. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế thu nhập cá nhân	253.617	253.617
- Nộp KHCB thu nhà kinh doanh SHNN	41.181.864	951.706.070
Cộng	<u>41.435.481</u>	<u>951.959.687</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN**

(Đơn vị tính: VND)

08. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu dài hạn khác	2.645.307.555	2.665.807.555
• Giải tòa công trình Kênh Nhiều Lột	2.167.971.657	2.167.971.657
• Giải tòa công trình Cống Bà Xếp	326.150.687	326.150.687
• Giải tòa các công trình khác	151.185.211	171.685.211
Cộng	<u>2.645.307.555</u>	<u>2.665.807.555</u>

09. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị Thành Phố	3.407.065.827	4.422.057.434
Cộng	<u>3.407.065.827</u>	<u>4.422.057.434</u>

- Căn cứ công văn số 379/MTĐT-KTTC ngày 13/04/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận đơn giá thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt năm 2014, 2015, 2016 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.081.662.078	276.277.841	22.095.561.852	585.162.550	25.038.664.321
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.081.662.078	276.277.841	22.095.561.852	585.162.550	25.038.664.321
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.713.938.788	212.582.410	13.561.825.229	437.998.270	15.926.344.697
Khấu hao trong năm	63.905.860	47.117.431	1.083.772.048	76.781.364	1.271.576.703
Tăng khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.777.844.648	259.699.841	14.645.597.277	514.779.634	17.197.921.400
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	367.723.290	63.695.431	8.533.736.623	147.164.280	9.112.319.624
Tại ngày cuối năm	303.817.430	16.578.000	7.449.964.575	70.382.916	7.840.742.921

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	388.604.624	431.809.518
- Máy móc thiết bị	134.925.538	134.925.538
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	12.740.313.397	9.882.656.934
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	354.818.459	354.818.459

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	260.300.000	260.300.000
Mua trong năm	385.000.000	385.000.000
Số dư cuối năm	645.300.000	645.300.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	249.233.717	249.233.717
Khấu hao trong năm	11.066.283	11.066.283
Số dư cuối năm	260.300.000	260.300.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	11.066.283	11.066.283
Tại ngày cuối năm	385.000.000	385.000.000

12. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	25.179.973.879	-	14.327.097	25.165.646.782
- Nhà ở, kinh doanh	25.179.973.879	-	14.327.097	25.165.646.782
Giá trị hao mòn lũy kế	9.441.783.129	-	10.745.280	9.431.037.849
- Nhà ở, kinh doanh	9.441.783.129	-	10.745.280	9.431.037.849
Giá trị còn lại	15.738.190.750	-	3.581.817	15.734.608.933
- Nhà ở, kinh doanh	15.738.190.750	-	3.581.817	15.734.608.933

13. Đầu tư tài chính dài hạn

Khoản mục	Giá trị
Đầu năm	
- Giá gốc (*)	750.000.000
- Dự phòng	(163.358.950)
Cuối năm	
- Giá gốc	-
- Dự phòng	-

(*) Khoản đầu tư khác là khoản đầu tư chứng khoán Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số lượng cổ phiếu sở hữu là 45.653 cổ phiếu.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Đội dịch vụ đô thị	10.967.035.942	10.967.035.942	8.647.141.797	8.647.141.797
- Đội thi công số 1	111.225.480	111.225.480	767.603.166	767.603.166
- Đội thi công số 2	4.931.021.023	4.931.021.023	3.088.883.864	3.088.883.864
- Đội cây xanh	4.648.584.946	4.648.584.946	-	-
- Đối tượng khác	5.355.849.107	5.355.849.107	3.769.428.973	3.769.428.973
Cộng	26.013.716.498	26.013.716.498	16.273.057.800	16.273.057.800

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu xây dựng cơ bản	609.434.758	2.101.408.808
- Phải thu công tác thuê bao	237.683.391	227.701.000
- Phải thu Công ty MTĐT	106.164.378	113.068.997
- Phải thu đối tượng khác	188.348.863	188.348.863
Cộng	1.141.631.390	2.630.527.668

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	2.780.834.524	7.106.669.143	8.545.501.476	1.342.002.190
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	139.178.559	1.542.162.296	972.472.709	708.868.146
- Thuế thu nhập cá nhân	(253.617)	33.757.133	33.757.133	(253.617)
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế đất và tiền thuê đất	2.091.619.185	5.873.135.865	5.911.590.001	2.053.165.049
- Thuế khác	554.532.948	963.304.379	683.282.871	834.554.456
Cộng	5.565.911.598	15.522.028.816	16.149.604.190	4.938.336.224

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng	1.342.002.191	2.780.834.524
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	708.868.146	139.178.559
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	2.053.165.049	2.091.619.185
- Thuế khác	875.736.320	1.506.239.018
Cộng	<u>4.979.771.706</u>	<u>6.517.871.285</u>

- **Thuế giá trị gia tăng:** Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Tiêu thụ nội địa : 10%

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế theo nhiều loại hình khác nhau có thể giải thích khác nhau, vì vậy các khoản thuế phải nộp của Công ty cũng theo quyết định của cơ quan thuế.

17. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải trả công nhân viên	12.611.926.149	5.713.193.544
- Phải trả cho Ban điều hành	780.978.571	433.206.629
- Phải trả tiền ăn giữa ca công nhân viên	87.154.833	97.774.057
Cộng	<u>13.480.059.553</u>	<u>6.244.174.230</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng quỹ trong năm</u>	<u>Giảm quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Quỹ khen thưởng CNV	3.371.217.041	2.342.727.970	1.396.225.022	4.317.719.989
- Quỹ khen thưởng BDH	442.216.164	194.457.143	381.127.311	255.545.996
- Quỹ phúc lợi	6.249.376.050	1.254.329.780	1.544.557.772	5.959.148.058
Cộng	<u>10.062.809.255</u>	<u>3.791.514.893</u>	<u>3.321.910.105</u>	<u>10.532.414.043</u>

19. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu nợ tồn nhà SHNN	1.152.286.411	712.547.773
Cộng	<u>1.152.286.411</u>	<u>712.547.773</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***20. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thu ký quỹ	925.293.157	713.199.931
- Bảo dưỡng chung cư	1.398.453.271	1.396.448.472
- CNV (hoàn trả nhiên liệu)	191.704.000	97.000.000
- Hiệp Bình Chánh	1.411.201	1.411.201
- Thanh toán đội Thi Công	1.080.738.030	417.735.064
- Giải tỏa rạch bùng binh	10.166.925	10.166.925
- Giải tỏa Trương Định - BHTQ	133.957.500	133.957.500
- Giải tỏa chung cư P12	257.996.769	257.996.769
- Giải tỏa trường Lê Quý Đôn	22.981.000	-
- Giải tỏa trường tiểu học Nhiều Lộc	6.573.511	6.573.511
- Giải tỏa bệnh viên Tai Mũi Họng	23.367.150	23.367.150
- Giải tỏa 107 Trương Định	25.500.000	25.500.000
- Điện nước chung cư	761.094.767	761.094.767
- Thu phí, phạt, lãi trả góp c/c	6.847.264	6.847.264
- Thu hộ trả góp nhà cho p.t.c q3	7.926.402	7.926.402
- Thu phí, phạt, lãi c/c TQT, TQD q3	2.102.464	2.102.464
- Chung cư 23 bis LQĐ	2.420.688	55.441.718
- Chung cư 52/2 Thống Nhất	667.162	667.162
- C/c 1AB Cao Thắng (trả dứt duy tu)	24.084.514	24.084.514
- Chung cư Screc	351.022.435	351.022.435
- Chung cư Screc (góp)	292.075.080	-
- Chung cư Screc (SCR.G)	32.851.399	18.772.228
- Chung cư Screc (SCR.L)	12.536.093	8.042.021
- Chung cư Screc (CPQL)	14.627.710	14.627.710
- Chung cư Screc (Duy tu)	65.452.801	65.452.801
- Chi phí thu gom tại nguồn	7.402.053.652	6.332.828.457
- Kết luận Thanh tra (3 mặt bằng)	1.302.750.000	1.302.750.000
- Công ty TNHH ĐT TM XD DV Lynk	1.250.000.000	1.250.000.000
- Kiểm định, sửa chữa, cải tạo các công trình chung cư, nhà ở thuộc sở hữu nhà nước và sở hữu hỗn hợp năm 2017	377.392.900	-
Cộng	15.984.047.845	13.285.016.466

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***21. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

	<u>Giá trị</u>
- Số đầu năm	1.377.294.182
- Tăng trong năm	619.226.669
- Giảm trong năm	728.834.632
- Số cuối năm	<u>1.267.686.219</u>

22. Vốn chủ sở hữu

- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: xem Phụ lục 01 trang số 33
- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Giá trị</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
> Vốn góp đầu kỳ	48.250.637.015
> Vốn góp tăng trong kỳ	-
> Vốn góp giảm trong kỳ	-
> Vốn góp cuối kỳ	48.250.637.015
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	<u>-</u>

- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ %</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Vốn Ngân sách Nhà nước	100%	48.250.637.015	48.250.637.015
- Cộng	100%	48.250.637.015	48.250.637.015

- **Quỹ đầu tư phát triển**

	<u>Giá trị</u>
- Số đầu năm	2.223.805.748
- Tăng do trích lập trong năm	1.090.586.042
- Điều chỉnh quỹ đầu tư phát triển các năm trước	338.816.147
- Số cuối năm	<u>3.653.207.937</u>

- **Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***23. Nguồn kinh phí**

	<u>Giá trị</u>
- Số đầu năm	1.850.014.832
- Tăng trong năm	-
- Giảm trong năm	13.345.455
- Số cuối năm	<u>1.836.669.377</u>

24. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	<u>Giá trị</u>
- Số đầu năm	15.738.190.750
- Tăng trong năm	-
- Giảm trong năm	3.581.817
- Số cuối năm	<u>15.734.608.933</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	117.609.732.633	113.067.936.112
- Doanh thu hoạt động xây dựng	15.534.320.333	15.187.486.905
- Doanh thu hoạt động công ích	65.616.720.279	61.171.432.067
- Doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu	29.962.822.826	30.484.274.256
- Doanh thu hoạt động cho thuê nhà	6.495.869.195	6.224.742.884
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	6.224.742.884
- Tiền thu từ nhà thuộc 100% sở hữu nhà nước	-	6.224.742.884
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	117.609.732.633	106.843.193.228
- Doanh thu hoạt động xây dựng	15.534.320.333	15.187.486.905
- Doanh thu hoạt động công ích	65.616.720.279	61.171.432.067
- Doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu	29.962.822.826	30.484.274.256
- Doanh thu hoạt động cho thuê nhà	6.495.869.195	-

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn hoạt động xây dựng	14.773.143.806	14.241.811.020
- Giá vốn hoạt động kinh doanh xăng dầu	27.710.500.747	28.458.287.397
- Giá vốn hoạt động công ích, khác	55.826.273.399	48.710.605.905
- Giá vốn hoạt động cho thuê nhà SHNN	4.792.380.282	-
Cộng	103.102.298.234	91.410.704.322

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	2.003.871.641	2.272.242.629
Cộng	<u>2.003.871.641</u>	<u>2.272.242.629</u>

04. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	163.358.950	163.358.950
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	41.323.018	
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(163.358.950)	(318.579.150)
Cộng	<u>41.323.018</u>	<u>(155.220.200)</u>

05. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	474.622.635	463.817.365
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	690.529.662	117.945.924
- Chi phí bằng tiền khác	4.142.305	5.556.933
Cộng	<u>1.169.294.602</u>	<u>587.320.222</u>

06. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	5.091.737.371	6.352.574.695
- Chi phí đồ dùng văn phòng	225.159.800	22.827.134
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.088.915	57.622.236
- Thuế, phí và lệ phí	1.704.488.250	852.518
- Chi phí bằng tiền khác	649.000.586	6.759.826.478
Cộng	<u>7.719.474.922</u>	<u>13.193.703.061</u>

07. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu nhập khác	-	32.961.955
Cộng	<u>-</u>	<u>32.961.955</u>

08. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí khác	7.884.542	342.744.734
Cộng	<u>7.884.542</u>	<u>342.744.734</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN**

(Đơn vị tính: VND)

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.573.328.955	3.769.145.673
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
> Các khoản điều chỉnh tăng	110.777.202	333.120.500
- Tổng thu nhập chịu thuế	7.684.106.157	4.102.266.173
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	1.536.821.231	820.453.235
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước (2% hoàn nhập quỹ KHCN)	5.341.065	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>1.542.162.296</u>	<u>820.453.235</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Giao dịch với các bên liên quan**

	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Phát sinh trong kỳ</u>	<u>31/12/2018</u> <u>Phải thu/Phải trả</u>
- Công ty TNHH MTV MT Đô Thị Thành Phố	Phải thu		4.328.050.972
	Phải trả		106.164.378
- Thành viên chủ chốt	Lương, thù lao	1.614.417.544	780.978.571

02. Thông tin về bộ phận

Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chính là Công ích, xây dựng, xăng dầu, thuê nhà SHNN.

	<u>Xây dựng</u>	<u>Xăng dầu</u>	<u>Công ích</u>	<u>Thuê nhà SHNN</u>
- Doanh thu thuần	15.534.320.333	29.962.822.826	65.616.720.279	6.495.869.195
- Giá vốn hàng bán	14.773.143.806	27.710.500.747	55.826.273.399	4.792.380.282
- Lợi nhuận gộp	<u>761.176.527</u>	<u>2.252.322.079</u>	<u>9.790.446.880</u>	<u>1.703.488.913</u>

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý của Công ty. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý và hệ thống Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

03. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm duy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

• Các chính sách kế toán chủ yếu

- Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh phần IV.

• Rủi ro thị trường

- Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản nợ và tiền gửi.
- Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.
- Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.
- Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng:
 - *Độ nhạy của các khoản mục trên bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;*
 - *Độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.*

• Rủi ro về giá hàng hóa

- Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

• **Rủi ro tín dụng**

- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

- Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.
- Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

- Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.01. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

• **Rủi ro thanh khoản**

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.
- Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.
- Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

Đơn vị tính: VND

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2018			
- Phải trả người bán	26.013.716.498	-	26.013.716.498
- Các khoản phải trả khác	142.656.364	15.984.047.845	16.126.704.209
Cộng	26.156.372.862	15.984.047.845	42.140.420.707
Ngày 31 tháng 12 năm 2017			
- Phải trả người bán	16.273.057.800	-	16.273.057.800
- Các khoản phải trả khác	17.397.786	13.285.016.466	13.302.414.252
Cộng	16.290.455.586	13.285.016.466	29.575.472.052

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)*

- Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

04. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty:

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	35.554.453.636	47.329.733.404	35.554.453.636	47.329.733.404
- Phải thu khách hàng	61.633.901.299	32.107.472.883	61.633.901.299	32.107.472.883
- Phải thu khác	15.786.715.904	13.456.426.780	15.786.715.904	13.456.426.780
- Đầu tư dài hạn	-	586.641.050	-	586.641.050
Cộng	112.975.070.839	93.480.274.117	112.975.070.839	93.480.274.117
Nợ phải trả tài chính				
- Phải trả người bán	26.013.716.498	16.273.057.800	26.013.716.498	16.273.057.800
- Phải trả khác	16.126.704.209	13.302.414.252	16.126.704.209	13.302.414.252
Cộng	42.140.420.707	29.575.472.052	42.140.420.707	29.575.472.052

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

05. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm trong các Báo cáo tài chính của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3 được căn cứ theo báo cáo kiểm toán được phát hành ngày 09 tháng 02 năm 2018 bởi Công ty TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

06. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc năm tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2019



VU THỊ TƯỜNG VY
GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG
KẾ TOÁN TRƯỞNG

BÙI VĂN ĐÀU
NGƯỜI LẬP BIỂU

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục số 01

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**22. Vốn chủ sở hữu**

- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	3	4	6	7
Số dư đầu năm trước	48.250.637.015	2.081.744.896	-	50.332.381.911
- Tăng trong năm trước	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	2.948.692.438	2.948.692.438
- Điều chỉnh phân phối lợi nhuận các năm trước	-	142.060.852	(269.683.852)	(127.623.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay	-	-	(2.679.008.586)	(2.679.008.586)
Số dư cuối năm trước	48.250.637.015	2.223.805.748	-	50.474.442.763
Số dư đầu năm nay	48.250.637.015	2.223.805.748	-	50.474.442.763
- LN sau thuế chưa phân phối kỳ trước	-	-	221.956.328	221.956.328
- Lãi trong năm nay	-	-	6.031.166.659	6.031.166.659
- Trích quỹ đầu tư phát triển năm nay	-	1.090.586.042	(1.090.586.042)	-
- Điều chỉnh quỹ đầu tư phát triển các năm trước	-	338.816.147	-	338.816.147
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay	-	-	(4.030.056.411)	(4.030.056.411)
- Nộp ngân sách nhà SHNN	-	-	(910.524.206)	(910.524.206)
Số dư cuối năm nay	48.250.637.015	3.653.207.937	221.956.328	52.125.801.280